

MỘT VÀI NHẬN XÉT VỀ VIỆC PHIÊN CHUYỂN THUẬT NGỮ TOÁN-CƠ-TIN HỌC-VẬT LÝ TỪ TIẾNG ANH SANG TIẾNG VIỆT

NGÔ PHI HÙNG
(NCS, Đại học Vinh)

1. Đặt vấn đề

Hiện nay tiếng Anh đang ngày càng trở nên thông dụng trên thế giới và cả ở Việt Nam. Tiếng Anh cũng được coi là thứ ngôn ngữ chung cho nhiều lĩnh vực trong đó có khoa học tự nhiên (KHTN). Việt Nam là nước đi sau trong lĩnh vực khoa học công nghệ nên nhu cầu phiên chuyển thuật ngữ khoa học từ tiếng Anh sang tiếng Việt ngày càng lớn. Để đáp ứng nhu cầu đó ở nước ta trong những năm gần đây đã có rất nhiều từ điển Anh-Việt ra đời, đặc biệt là thuật ngữ của các ngành KHTN. Trong bài viết này, chúng tôi muốn đề cập đến việc phiên chuyển thuật ngữ KHTN từ tiếng Anh sang tiếng Việt trên tư liệu thuật ngữ *Toán-Cơ-*

Tin học, Vật lý. Trong các cuốn từ điển được biên soạn và xuất bản hiện nay, chúng tôi chọn *Từ điển Anh - Việt khoa học tự nhiên*, tập 1 (*Toán- Cơ -Tin học*) và tập 2 (*Vật lý*) Nxb Giáo dục, Hà Nội do GS.TSKH Nguyễn Văn Mậu (chủ biên) (2008) để khảo sát (chúng tôi gọi tắt là *Từ điển Toán-Cơ-Tin học, Vật lý*).

2. Việc phiên chuyển thuật ngữ KHTN Toán-Cơ-Tin học, Vật lý từ tiếng Anh sang tiếng Việt

2.1 Nguyên dạng

Kết quả khảo sát và thống kê của chúng tôi trong *Từ điển Toán-Cơ-Tin học, Vật lý* cho thấy như bảng sau:

Bảng tổng hợp thuật ngữ phiên âm, nguyên dạng trong *Từ điển Toán-Cơ-Tin, Vật lý* tiếng Việt

STT	Từ điển	Tổng số thuật ngữ nguyên dạng+phiên âm	Nguyên dạng	Phiên âm
1	<i>Toán-Cơ-Tin học</i>	244 (28,5%)	39 (21,7%)	205 (30,3%)
2	<i>Vật lý</i>	612 (71,5%)	141 (78,3%)	471 (69,7%)
3	Tổng	856 (100%)	180 (100%)	676 (100%)

Qua bảng thống kê, có thể rút ra một số nhận xét sau:

Những thuật ngữ đề nguyên dạng thường là những thuật ngữ trừu tượng, hoặc có thể mang quá nhiều nghĩa.

Ví dụ: *conic* [5, 62], *electron* [5, 111], *menu* [5, 221], *helion* [6, 198], *microtron* [6, 261],...

Trong 39 thuật ngữ *Toán-Cơ-Tin học* mượn nguyên dạng, có 11 thuật ngữ chứa các biến thể đồng nghĩa (chiếm 28,2%).

Ví dụ: cam: *cam*, *đĩa lệnh trực* [5, 35], chat: *hội thoại trực tuyến, chat* [5, 41], hessian: *ma trận Hess, dạng hess, hessian* [5, 168].

Trong 141 thuật ngữ *Vật lí* mượn nguyên dạng, có 6 thuật ngữ chứa các biến thể đồng nghĩa (chiếm 4,3%).

Ví dụ: fermion: *fermion, hạt Féc-mi*, helion: *helion, hạt anpha* [6, 198], tachyon: *tachyon, hạt nhanh hơn ánh sáng* [6, 375].

Ở cả hai từ điển các nhà biên soạn đều chọn cách phiên viết liền, có sử dụng dấu phụ, dấu thanh ở một số trường hợp (trừ trường hợp *ắc quy, xi phong*). Tuy nhiên, đối với những thuật ngữ có yếu tố cấu tạo là tên riêng của các nhà khoa học, các nhà biên soạn *Từ điển Toán-Cơ-Tin học* chọn cách phiên viết liền, có dấu phụ, dấu thanh (trừ *Đề các*).

Ví dụ: Eulerian angle: *góc Ole* [5, 15]. Trong khi đó *Từ điển Vật lí* lại chọn cách phiên viết rời có dấu phụ, dấu thanh và có gạch nối.

Ví dụ: Coulomb scattering angle: *góc tán xạ Cu-lông*, Bragg angle: *góc Bréc-gơ* [6, 25], Gregorian calendar: *lịch Grê-gô-ri-ut* [6, 57].

2.2. Biến đổi

2.2.1. Thanh điệu

Các thuật ngữ tiếng Anh phiên chuyển sang tiếng Việt có cách đọc theo âm tiết tiếng Việt nên có thanh điệu. Tuy nhiên, không phải tất cả sáu thanh điệu đều.

Trong 205 thuật ngữ *Toán-Cơ-Tin học* được phiên chuyển chỉ hiện diện có ba thanh, đó là thanh không, thanh sắc và thanh huyền. Trong đó, thanh không chiếm số lượng tuyệt đối 202/205 thuật ngữ (chiếm 98,5%). Ví dụ: affine: *afin*, adic: *adíc*, cactoid: *cactoit*,...; thanh sắc có 1 thuật ngữ (chiếm 0,98%), đó là thuật ngữ accumulator:

ắc quy [5, 6], và thanh huyền có 1 đơn vị (0,49%), (folium of Descartes: *lá Đề các*) [5, 141].

Trong 471 thuật ngữ *Vật lí* được phiên chuyển, có mặt hai thanh được tham gia thanh không và thanh sắc. Trong đó thanh không có 469 thuật ngữ (chiếm 99,6%). Thanh sắc có 2 thuật ngữ (0,4%). Ví dụ: note: *nốt* [6, 277], Fermi particle: *hạt Féc-mi* [6, 291].

Quan sát kĩ có thể thấy, thuật ngữ mang thanh sắc này nằm trong sự lựa chọn bắt buộc giữa một trong hai thanh: sắc hoặc không và sự lựa chọn nghiêng về thanh sắc.

2.2.2. Phụ âm đầu

Tiếng Anh có phụ âm đầu được thể hiện bằng con chữ mà tiếng Việt cũng có thì được đọc và viết như ở trong tiếng Việt: *b, l, m, n, p, r, g, h, t*.

- Phụ âm *b*

b chuyển sang tiếng Việt là *b*. Ví dụ: block: *bloc* [5, 30]; balancer: *balăng*, balsam: *banzam*, base: *bazơ* [6, 40-44].

- Phụ âm *l*

l chuyển sang tiếng Việt là *l*. Ví dụ: lambda: *lam đa* [5, 197], logic: *lôgic* [5, tr.208]; lambert: *lambe*, lamel: *lamen* [6, 225], lethargy: *letacgi* [6, 232], liter, litre: *lit* [6, 238].

- Phụ âm *m*

m chuyển sang tiếng Việt là *m*. Ví dụ: maser: *maze* [5, 215], median: *median* [5, 220]; magneto: *manhêto* [6, 245], maser: *maze* [6, 247], megohm: *mêgaôm*, meter: *met* [6, 259], metre: *met* [6, 259].

- Phụ âm *n*

n chuyển sang tiếng Việt là *n*. Ví dụ: neutron: *notron* [5, 237], normit: *nomit* [5, 240], nu: *nuy* (v) [5, 241]; neper: *nêpe*, neutron: *nowtron*, newton: *niuton* [6, 273-274].

- Phụ âm *p*

p chuyển sang tiếng Việt thành *p*. Ví dụ: pascal: *pascan* [5, 257], phase: *pha* [5, 260], pile: *pin* [5, 261]; phase: *pha* [6, 295], pile: *pin*, piston: *pitông* [6, 301], proton: *prôton* [6, 317].

- Phụ âm *r*

r chuyển sang tiếng Việt là *r*. Ví dụ: radio: *radiô* [5, 287], relay: *rơ le* [5, 296]; robot: *roobot*, rocket: *roocket*, roentgen: *ronghen* [6, 340-341].

- Phụ âm *g*

g chuyển sang tiếng Việt là *g*. Ví dụ: grad, grade: *grat*, gradient: *gradien*, grooss: *grot* [5, 160-161]; gram, gramme: *gam* [6, 191], gaser: *gaze* [6, 186].

- Phụ âm *h*

h chuyển sang tiếng Việt là *h*. Ví dụ: hectare: *hecta*, herpolhode: *hecpolôđi* [5, 167-168]; helium: *heli* [6, 198].

- Chữ cái phụ âm *t*

t chuyển sang tiếng Việt là *t*. Ví dụ: tensor: *tenxơ* [5, 348]; tone: *tông* [6, 385].

Một số phụ âm đầu tiếng Anh khi chuyển sang tiếng Việt đã có sự thay đổi. Âm /k/ trong tiếng Anh được thể hiện bằng các con chữ *c*, *k*, *q*, khi sang tiếng Việt về cơ bản vẫn giữ như vậy. Tuy nhiên trong một số trường hợp *c* và *k* là có sự thay đổi.

- Phụ âm *c*

Từ điển Toán-Cơ-Tin học: *c* chuyển sang tiếng Việt là *c*, *x*. Ví dụ: caloric: *calo* [5, 35], cathode: *catot* [5, 37], cissoïd: *xixoit* [5, 45].

Từ điển Vật lí: *c* chuyển sang tiếng Việt thành *c*, *k*, *x*. Ví dụ: calorific: *calo*, carbon: *cacbon*, cathode: *catôt* [6, 58-63], cermet: *kecmet* [6, 66], cyclic: *xiclic* [6, 102].

- Phụ âm *k*

Từ điển Toán-Cơ-Tin học: *k* chuyển sang tiếng Việt là *k*. Ví dụ: kappa: *kapa* [5, 196].

Từ điển Vật lí: *k* chuyển sang tiếng Việt là *k*, *c*. Ví dụ: kathode: *catot*, kation: *cation*, kelvin: *kenvin*, kilocalorie: *kilôcalo*, kilogram: *kilôgam* [6, 224].

- Phụ âm *j*

Từ điển Toán-Cơ-Tin học: *j* chuyển sang tiếng Việt là *j*. Ví dụ: jack: *jắc*, jacobian: *jacobi* [5, 195].

Từ điển Vật lí: *j* chuyển sang tiếng Việt là *j*, *ch*. Ví dụ: jacobian: *jacobien*, jar: *chai* [6, 222].

- Phụ âm *f*

Từ điển Toán-Cơ-Tin học: *f* chuyển sang tiếng Việt là *f*. Ví dụ: feeder: *fĩđơ*, ferrite: *ferit* [5, 135], flexowriter: *flecxoraitơ* [5, 140], fractal: *fractan* [5, 146].

Từ điển Vật lí: *f* chuyển sang tiếng Việt là *f*, *ph*. Ví dụ: farad: *fara*, faraday: *faradây*, feeder: *fĩđơ* [6, 162], film: *phim* [6, 166].

- Phụ âm *s*

s chuyển sang tiếng Việt là *s*, *x*. Ví dụ: servo: *secvo* [5, 315], sine: *sin* [5, 321], segment: *xecmăng* [5, 310], sigma: *xicma* (σ) [5, 319]; sandwich: *xenduit* [6, 343], sapphire: *xaphia* [6, 343], savart: *sava* [6, 310].

- Phụ âm *w*

Từ điển Toán-Cơ-Tin học: *w* chuyển sang tiếng Việt là *o*. Ví dụ: watt (W): *oat* [5, 376].

Từ điển Vật lí: *w* chuyển sang tiếng Việt là *o*, *v*. Ví dụ: watt: *oat* [6, 408], weber: *vêbe* [6, 410].

- Phụ âm *v*

Từ điển Toán-Cơ-Tin học: *v* chuyển sang tiếng Việt là *v*, *r*. Ví dụ: vector: *vector* [5, 327], versiera: *vecsora*, vortex: *rota* [5, 375].

Từ điển Vật lí: **v** chuyển sang tiếng Việt là **v**. Ví dụ: valve: *van* [6, 399], vector: *vector* [6, 401].

- Phụ âm *x*

Từ điển Toán-Cơ-Tin học: **x** chuyển sang tiếng Việt là **kx**. Ví dụ: xi: *kxi* [5, 380].

2.2.3. Tổ hợp chữ cái đầu từ

- Tổ hợp *ch*

Từ điển Toán-Cơ-Tin học: **ch** chuyển sang tiếng Việt là **ch**. Ví dụ: chat: *chat* [5, 41].

Từ điển Vật lí: **ch** chuyển sang tiếng Việt là **c**. Ví dụ: chronotron: *cronotron* [6, 70].

- Tổ hợp *he*

he chuyển sang tiếng Việt là **he**, **ơ**. Ví dụ: heteroscedastic: *heteroxcđaxtic*, heuristic: *oristic* [5, 168]; hectare: *hecta*, helium: *heli*, heuristic: *oristic* [6, 197-198].

- Tổ hợp *dy*

Từ điển Toán-Cơ-Tin học: **dy** chuyển sang tiếng Việt là **đy**, **đi**. Ví dụ: dyne: *dyn*, đin (đơn vị lực) [5, 108].

Từ điển Vật lí: **dy** chuyển sang tiếng Việt là **đi**. Ví dụ: dyne: *đin*, dyotron: *điôtron*, dystectie: *đitecti* [6, 131].

- Tổ hợp *th*

th chuyển sang tiếng Việt thành **t**. Ví dụ: theodolite: *teodolit* [5, 351]; therm: *tecơ*, thermistor: *tecmistơ*, thyatron: *tiratron* [6, 381-383].

2.2.4. Nguyên âm và tổ hợp nguyên âm với phụ âm hoặc nguyên âm

Tiếng Anh có 23 nguyên âm và 24 phụ âm. Trong số 23 nguyên âm thì có 12 nguyên âm đơn, 9 nguyên âm đôi và 2 nguyên âm ba. Tiếng Việt có 14 nguyên âm (gồm 11 nguyên âm đơn, 3 nguyên âm đôi) và 21 phụ âm. Các nguyên âm đơn tiếng Anh thường có trên hai cách đọc khác nhau

khi tham gia vào kết hợp từ. Hơn nữa, khi các từ tiếng Anh xuất hiện trong tiếng Việt, chúng một mặt vẫn được đọc phỏng theo tiếng Anh, mặt khác lại có thêm cách đọc của tiếng Việt.

- Nguyên âm *a*

a chuyển sang tiếng Việt là **a**. Ví dụ: affine: *afin* [5, 9]; actinides: *actinit* [6, 11], agate: *agat* [6, 15].

- Tổ hợp *ac*, *al*, *au*.

+ Tổ hợp *ac*

Từ điển Toán-Cơ-Tin học: **ac** chuyển sang tiếng Việt là **ắc**. Ví dụ: accumulator: *ắc quy* [5, 6].

Từ điển Vật lí: **ac** chuyển sang tiếng Việt là **ac**. Ví dụ: accumulator: *acquy*, activator: *activato* [6, 10-12].

+ Tổ hợp *al*

Từ điển Toán-Cơ-Tin học: **al** chuyển sang tiếng Việt là **an**. Ví dụ: algorithmical: *angorit*, alpha: *anpha* [5, 11-12].

Từ điển Vật lí: **al** chuyển sang tiếng Việt thành **a**, **an**. Ví dụ: allochroic=allochromatic: *alocrom*, alpha: *anpha* [6, 17-18].

+Tổ hợp *au*

Từ điển Toán-Cơ-Tin học: **au** chuyển sang tiếng Việt là **ơ**. Ví dụ: automaton: *otomat*, autonomous: *otonom* [5, 22].

Từ điển Vật lí: **au** chuyển sang tiếng Việt là **ô**. Ví dụ: audion: *ôđion*, autonomous: *ôtonom*, auxinotron: *ôxinôtron* [6, 37-38].

- Nguyên âm *e*

Từ điển Toán-Cơ-Tin học: **e** chuyển sang tiếng Việt là **e**. Ví dụ: entropy: *entropi* [5, 116].

Từ điển Vật lí: **e** chuyển sang tiếng Việt là **ê**. Ví dụ: electret: *êlectret* [6, 137], electron: *êlectron* [6, 140].

- Tổ hợp *er*

Từ điển Toán-Cơ-Tin học: **er** chuyển sang tiếng Việt là **e**. Ví dụ: ergodic: *egôđic* [5, 123].

Từ điển Vật lí: **er** chuyển sang tiếng Việt là **ec**. Ví dụ: ergodic: *ecgôđic* [6, 153].

- Nguyên âm *i*

i chuyển sang tiếng Việt là **i**. Ví dụ: ideal: *idean* [5, 174]; ideal: *idêan* [6, 203], ionotron: *ionotron* [6, 219].

- Tổ hợp *id*

id chuyển sang tiếng Việt là **id**. Ví dụ: (modular) ideal: *idean* (môđula) [5, 147]; ideal: *idêan* [6, 203].

- Nguyên âm *y*

Từ điển Toán-Cơ-Tin học: **y** chuyển sang tiếng Việt là **y**, **i**. Ví dụ: cybernetics: *xibecnetic*, cyclicde: *xiclit*, cyclotron: *xiclotron* [5, 82], dyne: *đyn*, *đin* [5, 108].

Từ điển Vật lí: **y** chuyển sang tiếng Việt là **i**. Ví dụ: dynamotor: *đinamôto*, dynatron: *đinatron*, dyne: *đin* [6, 131].

- Nguyên âm *o*

o chuyển sang tiếng Việt là **o**, **ô**. Ví dụ: servo: *secvo* [5, 315], cosecant: *côsen* [5, 74]; opal: *opan* [6, 281], ozone: *ôzon* [6, 287].

- Tổ hợp *oh*

Từ điển Toán-Cơ-Tin học: **oh** chuyển sang tiếng Việt là **o**. Ví dụ: ohm: *om* [5, 245].

Từ điển Vật lí: **oh** chuyển sang tiếng Việt là **ô**. Ví dụ: Ohm: *Ôm*, ohmic: *ômic* [6, 281].

- Nguyên âm *u*

u chuyển sang tiếng Việt là **u**. Ví dụ: unitary: *unita* [5, 367]; uranium: *urani* [6, 397].

2.2.5. Phụ âm cuối

a. Nhìn chung, những phụ âm cuối của thuật ngữ *Toán-Cơ-Tin học*, *Vật lí* tiếng Anh nào mà trong tiếng Việt cũng có thì đều được giữ nguyên. Ví dụ: adic: *adíc* [5, 9], cryotron: *criotron* [5, 78]; synchorotron: *sincrotron* [6, 10].

b. Những phụ âm cuối chỉ có trong thuật ngữ *Toán-Cơ-Tin học*, *Vật lí* tiếng Anh mà không có trong thuật ngữ tiếng Việt thì sẽ phải thay đổi để phù hợp với cách đọc, cách viết của tiếng Việt.

- **f** chuyển sang tiếng Việt là **p**. Ví dụ: alef: *alep* [5, 10].

- **s** chuyển sang tiếng Việt là **t**. Ví dụ: atlas: *atlat* [5, 21]; Saros: *sarot* [6, 343], eotvos: *etvot* [6, 150].

- **d** chuyển sang tiếng Việt là **t**. Ví dụ: axoid: *axoit* [5, 24], cactoid: *cactoit* [5, 34]; cepheid: *xêpheit* [6, 66], dyad: *điat* [6, 130].

- **l** chuyển sang tiếng Việt là **n**. Ví dụ: decibel: *đexiben* [5, 86]; beryl: *berin* [6, 46], decibel: *đêxiben* [6, 106].

c. Với một số tổ hợp chữ cái ở cuối âm tiết thì xu hướng chung đều là chuyển đổi. Cụ thể:

- Tổ hợp *de*

de chuyển sang tiếng Việt là **t**. Ví dụ: anode: *anôt* [6, 27], cathode: *catot* [5, 37]; nonode: *nonot* [6, 274].

- Tổ hợp *le*

le chuyển sang tiếng Việt là **n**. Ví dụ: capsule: *capsun* [5, 36]; protile: *prôtin* [6, 315].

- Tổ hợp *ne*

ne chuyển sang tiếng Việt là **n**. Ví dụ: affine: *afin* [5, 9]; neutrodyne: *notrođin* [6, 273].

Cách phiên theo *Từ điển Toán-Cơ-Tin học*, *Vật lí* có ưu điểm là giúp cho những người có trình độ phổ thông có thể đọc và viết lại được, nhớ được. Tuy nhiên, ngoài những phụ âm, nguyên âm,... được phiên chuyển một cách thống nhất, giữa hai từ điển vẫn còn có sự chưa thống nhất ở một số trường hợp giữa *i* và *y*, gây khó khăn cho người tiếp nhận. Những trường hợp có cách phiên không thống nhất được chúng tôi tổng hợp trong bảng sau.

Bảng những trường hợp có cách phiên không thống nhất

STT	Nguyên dạng	Phiên chuyển	
		Toán-Cơ-Tin học	Vật lí
1.	accumulator	ắc quy [5, 6].	Acquy [6, 10].
2.	anode	anot [5, 16].	Anôt [6, 27].
3.	cathode	catot [5, 37].	Catôt [6, 63].
4.	diode	điot [5, 99].	Điôt [6, 118].
5.	dyne	đyn, đin [5, 108].	Đin [6, 131].
6.	ergodic	egodic [5, 123].	Ecgôdic [6, 153].
7.	ideal	idean [5, 174].	Idêan [6, 203].
8.	module, modulus	mođun [5, 228].	Môđun [6, 264].
9.	ohm, Ohm	om [5, 245].	Ôm [6, 281].
10.	piston	pitông [5, 261].	Pitông [6, 301].
11.	plasma	platma [5, 263].	Plaxma [6, 303].
12.	profile	profin [5, 278].	Prôfin [6, 315].
13.	rotor	roto [5, 304].	Rôto [6, 341].

Không chỉ có sự thiếu thống nhất như đã nêu trên, mà ngay trong cách phiên của mỗi từ điển vẫn có những chỗ không nhất quán. Chẳng hạn, *Từ điển Toán-Cơ-Tin học* vừa dùng *vector* (basic vector: *vector cơ sở*) [5, 26], vừa dùng *véc tơ* (sliding vector: *véc tơ trượt*) [5, 322], khi thì dùng *lôgic* (logic) [5, 208], khi thì dùng *logic* (many-valued logic: *logic đa trị*) [5, 213], khi dùng *rơ le* (relay), khi dùng *role* (control relay: *role điều khiển*) [5, 296], khi dùng *mođun* (module), khi dùng *môđun* (module 2 counter: *máy tính theo môđun*), khi lại dùng *mô đun* (module of torsion: *mô đun xoắn*) [5, 228-229]. *Từ điển Vật lí* vừa dùng *met* (meter), vừa dùng *mét* (cubic meter: *mét khối*) [6, 255].

8. Một số kết luận và đề xuất

Kết quả khảo sát trên cho thấy, số lượng thuật ngữ có nguồn gốc Ấn Âu trong *Từ điển Toán-Cơ-Tin học* chiếm tỉ lệ ít hơn so với *Từ điển Vật lí*. Việc phiên chuyển các thuật ngữ này sang tiếng Việt tuy đạt được

những kết quả to lớn nhưng vẫn còn nhiều vấn đề đặt ra, như việc phiên chuyển một số thuật ngữ còn thiếu sự thống nhất, hiện tượng đồng nghĩa thuật ngữ vẫn còn nhiều. Đây chính là một trong những nguyên nhân ảnh hưởng đến tính chính xác của thuật ngữ và gây khó khăn cho người tiếp nhận.

Thuật ngữ nước ngoài xuất hiện ngày càng nhiều trong tiếng Việt. Tiếng Việt đã tiếp thu một số lượng không nhỏ các thuật ngữ nước ngoài để làm giàu vốn thuật ngữ của mình. Tuy nhiên, tùy thuộc vào mỗi lĩnh vực chuyên môn mà người ta nghiêng về giải pháp này hay giải pháp kia. Để việc phiên chuyển thuật ngữ KHTN được chính xác, chúng tôi xin đưa ra một số đề xuất sau.

Đối với trường hợp *dyne*. *Từ điển Toán-Cơ-Tin học* phiên là *đyn, đin* [5, 108], *Từ điển Vật lí* phiên là *đin* [6, 131]. Theo chúng tôi, trong thuật ngữ KHTN tiếng Anh có hai đơn vị khác nhau, đó là *dyne* và *din*. Nếu phiên là *đin* sẽ gây nên sự nhầm lẫn. Vì vậy

đối với trường hợp này chúng ta nên để nguyên dạng. Khi phiên chuyển thuật ngữ KHTN chúng ta không nên nhất thể dùng *i*, vì việc dùng *y* một mặt vừa không xa rời nguyên ngữ mặt khác lại phù hợp với kí hiệu quốc tế.

Đối với những thuật ngữ đã được vay mượn từ lâu, được Việt hóa do phiên âm hoặc về cách viết, đã quen dùng thì nên phiên theo cách phiên đã phổ biến. Ví dụ: *bom, phim, chai, van, mét,...* còn đối với các thuật ngữ mới được vay mượn hiện nay và trong tương lai thì nên mượn nguyên dạng thuật ngữ. Khi đó chúng ta sẽ tránh được mọi phiền phức xảy ra do sự phiên âm mang lại.

Đối với các thuật ngữ có yếu tố là tên riêng của các nhà khoa học, các thuật ngữ đã được phổ thông hóa vẫn nên viết nguyên dạng, bên cạnh đó có chú phiên âm cách đọc. Khi thuật ngữ đó đã trở nên quen thuộc thì bỏ việc chú cách đọc này.

Một hệ thuật ngữ chính xác là điều mong muốn của tất cả mọi người. Trong những trường hợp chuyển dịch, nếu tồn tại nhiều biến thể đồng nghĩa thì nên chọn một biến thể, tức là ứng với mỗi khái niệm cần gắn với một thuật ngữ mà thôi. Trường hợp không chọn được một biến thể đảm bảo tính chính xác thì cách tốt nhất là nên để nguyên dạng.

Tài liệu tham khảo

1. Nguyễn Trọng Báu (2000), *Về vấn đề phiên chuyển từ ngữ nước ngoài ra tiếng Việt*, Ngôn ngữ, số 9, tr. 69-73.
2. Nguyễn Thiện Giáp (2000), *Mấy suy nghĩ về cách phiên chuyển từ ngữ nước*

ngoài sang tiếng Việt, Ngôn ngữ, số 2, tr. 67-77.

3. Nguyễn Văn Khang (2008), *Từ ngoại lai trong tiếng Việt*, NXB Giáo dục.

4. Lưu Văn Lăng (1968), *Về vấn đề dùng thuật ngữ khoa học nước ngoài*, NXB Khoa học Xã hội.

5. Nguyễn Văn Mậu (chủ biên) (2008), *Từ điển Anh-Việt khoa học tự nhiên*, Tập 1, Toán-Cơ-Tin học, NXB Giáo dục.

6. Nguyễn Văn Mậu (chủ biên) (2008), *Từ điển Anh-Việt khoa học tự nhiên*, Tập 2, Vật lí, NXB Giáo dục.

7. Lê Quang Thiêm (2010), *Hệ hình ngữ nghĩa từ vựng: Góp một định hướng cho từ điển giải thích*, Từ điển học & Bách khoa thư, s. 2, tr. 2-9.

8. Nguyễn Đức Tồn (2011), *Một số vấn đề về nghiên cứu, xây dựng và chuẩn hóa thuật ngữ tiếng Việt trong thời kì hội nhập, toàn cầu hóa hiện nay*, Ngôn ngữ, số 1, tr. 1-9.

(Ban Biên tập nhận bài ngày 15-03-2011)

HỢP THU

Trong tháng 5/2011, NN & ĐS đã nhận được thư, bài của các bạn: Đinh Văn Thiện, Đoàn Thực Anh, Ngô Hữu Hoàng, Lê Xuân Mậu (Hà Nội); Nguyễn Thị Lương (Nghệ An); Kiều Thị Nga (Huế); Dương Quốc Cường (Đà Nẵng); Đỗ Thành Dương (Khánh Hòa); Đào Duy Tùng, Lê Văn Trung (Tp HCM); Nguyễn Thái Liên Chi (Đồng Nai).

Toà soạn **NN & ĐS** xin chân thành cảm ơn sự cộng tác của quý vị và các bạn.

NN & ĐS